

MY NEIGHBOUREHOOD

SKILLS 1

- suburb	(n) : ngoại ô
- dislike	(v) : không thích
- outdoor	(adj) : ngoài trời
- find- found-found	(v) : tìm thấy
- sandy	(adj) : có cát
- almost	(adv) : hầu như, gần như
- everything	(pron) : mọi thứ
- need	(v) : cần
- office	(n) : cơ quan, văn phòng
- famous for	(adj) : nổi tiếng về
- crossroads	(n) : giao lộ, ngã tư
- pavement	(n) : vỉa hè